

Số: 164/QĐ-QLTHTT

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3674/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Thông báo số 105/TB-TCQLTT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh (Có thuyết minh và biểu mẫu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế toán trưởng và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục QLTT;
- Lãnh đạo Cục;
- Cổng TTĐT Cục;
- Các phòng, các đội;
- Lưu: VT, TCHC.TL.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Cự Dũng

Đơn vị: Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh

Chương: 016

Biểu số 4

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 164 /QĐ-QLTTH ngày 07/8/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
B	Quyết toán chi NSNN	13.552.240.074	13.552.240.074		
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.552.240.074	13.552.240.074		
1	Chi quản lý hành chính	13.552.240.074	13.552.240.074		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	10.982.000.000	10.982.000.000		
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 14 - Cải cách tiền lương)	752.100.048	752.100.048		
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12)	1.818.140.026	1.818.140.026		
-	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	1.135.829.924	1.135.829.924		
-	Kinh phí hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả	21.367.102	21.367.102		
-	Kinh phí mua sắm TSCĐ	660.943.000	660.943.000		



**THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
CỦA CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Quyết định số 164 /QĐ-QLTTHT ngày 07/8/2024)

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Thông báo số 105/TB-TCQLTT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh thuyết minh số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 như sau:

1. Kinh phí năm trước chuyển sang: 14.000.000 đồng

Loại 340 Khoản 341:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 14.000.000 đồng
- + Nguồn 14 (nguồn cải cách tiền lương): 14.000.000 đồng

2. Tổng dự toán được giao trong năm: 13.810.663.580 đồng

Loại 340 Khoản 341:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 11.739.663.580 đồng; trong đó:
 - + Nguồn 13: 10.982.000.000 đồng
 - + Nguồn 14 (nguồn cải cách tiền lương): 757.663.580 đồng
- Kinh phí thực hiện không tự chủ: 2.071.000.000 đồng

3. Kinh phí được sử dụng trong năm: 13.824.663.580 đồng

Loại 340 Khoản 341:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 11.753.663.580 đồng; trong đó:
 - + Nguồn 13: 10.982.000.000 đồng
 - + Nguồn 14 (nguồn cải cách tiền lương): 771.663.580 đồng
- Kinh phí thực hiện không tự chủ: 2.071.000.000 đồng

4. Kinh phí đề nghị quyết toán: 13.552.240.074 đồng

Loại 340 Khoản 341:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 11.734.100.048 đồng; trong đó:
 - + Nguồn 13: 10.982.000.000 đồng
 - + Nguồn 14 (nguồn cải cách tiền lương): 752.100.048 đồng
- Kinh phí thực hiện không tự chủ: 1.818.140.026 đồng

5. Kinh phí hủy trong năm: 252.859.974 đồng

Loại 340 Khoản 341:

- Kinh phí thực hiện không tự chủ: 252.859.974 đồng

6. Kinh phí chuyển năm sau: 19.563.532 đồng

Loại 340 Khoản 341:

- Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 14: nguồn cải cách tiền lương):

19.563.532 đồng